

Số: 01/BCTN-TTQT

Ea Knốp, ngày 26 tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm học: 2025-2026

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRẦN QUỐC TOẢN (viết tắt là: TTQT).

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục.

Trụ sở: Số 100 Nguyễn Văn Linh, thôn 5, xã Ea Knốp, tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại: 02623.603203.

Email: thpttranquoctoan@gmail.com

Website: <https://c3tranquoctoan.daklak.edu.vn/>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có).

Trường THPT Trần Quốc Toản thuộc loại hình trường công lập, có con dấu riêng, trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk;

Địa bàn tuyển sinh của trường gồm xã Ea Knốp và các xã lân cận, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định. Được sự quan tâm của Chính quyền địa phương, của các cấp Quản lý giáo dục, nhà trường đã trở thành một địa chỉ giáo dục đáng tin cậy cho học sinh và phụ huynh học sinh.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

4.1. Sứ mệnh

“Xây dựng được môi trường học tập chất lượng và nhân văn. Tạo môi trường tốt nhất để mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng, tư duy sáng tạo, phát huy tiềm lực vốn có của mình. Xây dựng văn hóa giáo dục hiện đại mang đậm bản sắc dân tộc”.

4.2. Tầm nhìn

“Trở thành một ngôi trường có chất lượng cao, tạo ra những học sinh tốt về đạo đức, giỏi về trí lực, mạnh khỏe về thể chất, có kỹ năng sống tốt, đáp ứng cho việc tiếp tục học lên các lớp trên hoặc đi vào cuộc sống; là nơi học sinh có thể tin tưởng, lựa chọn để học tập và rèn luyện và là nơi để giáo viên luôn có khát vọng vươn lên. Trường THPT Trần Quốc Toản là một trong những trường có chất lượng giáo dục hàng đầu trong huyện và của tỉnh. Học sinh của Nhà trường có lí tưởng sống cao đẹp, mạnh mẽ về trí lực, dồi dào kĩ năng sống, có tư duy độc lập, sáng tạo, hợp tác. Khi tốt nghiệp có khả năng lập thân, lập nghiệp vững vàng, hoà nhập cộng đồng cao và hội nhập thế giới thành công”.

4.3. Giá trị cốt lõi

- Truyền thống và hiện đại;
- Trung thực và uy tín;
- Tôn trọng và khoan dung;
- Tâm huyết và trách nhiệm;
- Đoàn kết và hợp tác;
- Sáng tạo và khát vọng vươn lên.

4.4. Phương châm hành động

“Dân chủ, thân thiện, đổi mới, kỷ cương, chất lượng, nhân văn và bền vững”

4.5. Mục tiêu chung

Xây dựng đội ngũ nhà giáo vững về chuyên môn, giỏi về nghiệp vụ; thống nhất trong tư tưởng và hành động; tự tin, nhạy bén, linh hoạt, có tâm huyết với nghề, yêu trường, yêu lớp và đáp ứng được yêu cầu phát triển, đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trên tất cả các mặt Đức - Trí - Thể - Mỹ; chú trọng giáo dục các giá trị trung thực, tự tin, có khát vọng vươn lên, nhạy bén, thích nghi với mọi hoàn cảnh; biết tôn trọng, biết lắng nghe và bày tỏ chính kiến của mình.

Xây dựng môi trường sư phạm thân thiện, có cơ sở vật chất đầy đủ để đáp ứng nhu cầu dạy và học; tạo lập mối quan hệ thân thiện giữa thầy và trò, giữa nhà trường và cha mẹ học sinh.

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, trở thành một trong những trường tiên tiến, hiện đại, góp phần thúc đẩy nền giáo dục phát triển nhanh, mạnh, bền vững hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

4.6. Mục tiêu cụ thể

- Không có bất kỳ trường hợp sai sót nào trong quá trình dạy và học trong tất cả các môn học tại Trường.
- Chuẩn hóa đồng bộ về trình độ chuyên môn, tác nghiệp và kiểm soát, năng lực quản lý và điều hành tất cả cán bộ, giáo viên của trường.
- Xây dựng môi trường làm việc thuận lợi, cán bộ giáo viên được trang bị phương tiện làm việc đáp ứng nhiệm vụ được giao. Đáp ứng đủ 100% phương tiện làm việc tối thiểu cho cá nhân.
- Xây dựng đội ngũ nhà giáo yêu sự nghiệp, trình độ chuyên môn cao, Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đánh giá khá, giỏi trên 90%.
- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên sử dụng thành thạo máy tính, truy cập, khai thác có hiệu quả cổng thông tin điện tử của ngành và Website của nhà trường.
- Sử dụng công nghệ thông tin có hiệu quả.
- Mỗi tổ chuyên môn có ít nhất 02 giáo viên có trình độ trên Đại học.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường THPT Trần Quốc Toản thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk, được thành lập theo Quyết định số 802/QĐ-UB, ngày 21/08/1985 với tên gọi đầu tiên là Trường phổ thông trung học kỹ thuật Việt - Xô. Sau đó đổi thành các tên: Trường cấp 2 - 3 Trần Quốc Toản (1990) và Trường THPT Trần Quốc Toản (1999).

Trường được thành lập trên địa bàn Sư đoàn 333, gồm có 12 trung đoàn do cố Đại tá Trần Thanh Cương khởi xướng. Với mục đích động viên anh em chiến sĩ, sĩ quan quân đội sau khi rời tay súng ở lại xây dựng các nông trường: Công, Nông, Lâm nghiệp phát triển thành xí nghiệp Liên hiệp Công - Nông - Lâm nghiệp 333. Ngôi trường được xây dựng trên một đồi cao lộng gió Cao Nguyên. Lúc đầu, trường chỉ có 2 lớp với 87 học sinh (chủ yếu là con em trong các trung đoàn về đây học tập), số lượng giáo viên là 10 người. Cho đến nay không chỉ có con em trong các trung đoàn mà còn đủ học sinh mọi vùng quê định canh định cư về đây học tập với số lượng gần 1200 em và số cán bộ, giáo viên, nhân viên 72 người. Từ một nhà trường còn nhỏ bé qua gần 40 năm phát triển lớn mạnh, trường đã vươn lên thành một trường tiên tiến cấp tỉnh.

Ngoài nhiệm vụ trung tâm dạy và học, trường luôn chú trọng đến hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao và tổ chức nhiều hoạt động với nội dung phong phú hấp dẫn như: hành trình về với cội nguồn, nối vòng tay lớn, ...

Bằng tâm hồn và tình yêu nghề nghiệp, được sự động viên giúp đỡ của các cấp lãnh đạo và niềm tin của các bậc phụ huynh. Tập thể các bộ giáo viên và học sinh trường THPT Trần Quốc Toàn hôm nay sẽ nỗ lực vươn lên hơn nữa giữ vững danh hiệu cao quý đã có và quyết tâm phấn đấu trở thành trường tiên tiến xuất sắc trong những năm học tới.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Họ và tên: Nguyễn Quốc Thanh

Chức vụ: Hiệu trưởng.

Điện thoại: 0983537838.

Địa chỉ nơi làm việc: Số 100 Nguyễn Văn Linh, thôn 5, xã Ea Knốp, tỉnh Đắk Lắk.

Email: quocthanheakar@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

7.1. Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

- Quyết định số 802/QĐ-UB, ngày 21/08/1985 với tên gọi: Trường phổ thông trung học kỹ thuật Việt - Xô;

- Quyết định 859/QĐ-UB, ngày 21/8/1990, với tên gọi: Trường cấp 2 - 3 Trần Quốc Toàn;

- Quyết định 1572/1999/QĐ-UB, ngày 30/6/1999, với tên gọi: Trường trung học phổ thông Trần Quốc Toàn;

7.2. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

Quyết định số 635/QĐ-SGDĐT ngày 23/11/2021 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk về việc công nhận các thành viên của Hội đồng trường THPT Trần Quốc Toàn, nhiệm kỳ 2021-2026; Quyết định 1026/QĐ-SGDĐT, ngày 01/11/2024 của Sở GD&ĐT về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường THPT Trần Quốc Toàn, nhiệm kỳ 2021-2026.

Thành viên Hội đồng trường:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
----	-----------	---------	----------

1	Nguyễn Quốc Thanh	Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Nguyễn Thị Phụng	Tổ phó Chuyên môn	Thư ký
3	Thái Lin	Phó Bí thư đảng ủy, Phó Hiệu trưởng	Thành viên
4	Nguyễn Tiến Thịnh	Phó Trưởng VH-XH xã Ea Knốp	Thành viên
5	Phạm Đình Nam	Bí thư Đoàn Thanh niên	Thành viên
6	Lê Thị Như Ý	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
7	Cao Ái Ly	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
8	Trần Thị Phương Thủy	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
9	Bùi Văn An	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
10	Phan Thị Thanh Hòa	Ban đại diện Cha mẹ học sinh	Thành viên
11	Nguyễn Văn Tuấn	Học sinh 11	Thành viên

7.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

- Ông: Nguyễn Quốc Thanh: Quyết định số 02/QĐ-SGDĐT, ngày 14/02/2023 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk về việc bổ nhiệm lại Hiệu trưởng trường THPT Trần Quốc Toản.

- Ông: Thái Lin - Phó Hiệu trưởng: Quyết định số 146/QĐ-SGDĐT, ngày 03/02/2026 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk về việc bổ nhiệm lại Phó Hiệu trưởng trường THPT Trần Quốc Toản.

- Ông: Nguyễn Đình Thiên - Phó Hiệu trưởng: Quyết định số 217/QĐ-SGDĐT, ngày 25/7/2026 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk về việc bổ nhiệm lại Phó Hiệu trưởng trường THPT Trần Quốc Toản.

7.4. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

a) Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường

Nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường;

Tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường;

Nhiệm vụ và quyền của nhà giáo;

Nhiệm vụ và quyền của người học;

Tổ chức và quản lý nhà trường;

Tài chính và tài sản của nhà trường;

Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

b) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

c) Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

d) Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

e) Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

g) Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

h) Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

i) Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

k) Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

l) Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

m) Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

n) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác.

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, ... được lưu giữ tại Văn thư lưu trữ của nhà trường.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

- Viên chức quản lý: 03, trong đó 01 Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng (3/3 trình độ thạc sĩ).

- Giáo viên: 61, cụ thể:

+ Chia theo môn học: Toán 9; Tin học 5; Vật lý - CNCN 8; Hoá học 5; Sinh-CNNN 4; Ngữ văn 8; Tiếng Anh 6; Lịch sử 5; Địa lý 3; GDKTPL 2; GDTC 4; GDQPAN 2.

+ Chia theo trình độ: 7 thạc sĩ và 54 đại học.

- Nhân viên: 8, trong đó 1 Đại học; 2 Cao đẳng; 4 Trung cấp và 1 Sơ cấp.

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định; 100% Viên chức quản lý, giáo viên và nhân viên đạt chuẩn.

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định. 100% viên chức quản lý, giáo viên, nhân viên được bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

4. Thông tin về học sinh, năm học 2025-2026

Kết quả tuyển sinh lớp 10: 395 học sinh.

Tổng số học sinh theo từng khối:

+ Khối 10 (9 lớp): 380 học sinh; Bình quân HS/lớp: 42,22 học sinh/lớp.

+ Khối 11 (10 lớp): 396 học sinh; Bình quân HS/lớp: 39,6 học sinh/lớp.

+ Khối 12 (9 lớp): 325 học sinh; Bình quân HS/lớp: 36,11 học sinh/lớp.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định; Diện tích khuôn viên trường: 14.500 m², diện tích bình quân 12,6 m²/học sinh

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

- Dãy nhà Hiệu bộ: 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng Phó Hiệu trưởng, 01 phòng Kế toán, 01 phòng Văn thư - thủ quỹ, 01 phòng tiếp công dân; 01 phòng thư ký hội đồng và 01 phòng họp.

- Dãy phòng chờ giáo viên: 01 phòng Đoàn Thanh niên, 01 phòng truyền thống, 01 phòng kho GD QPAN.

- Dãy nhà thiết bị thí nghiệm: 01 phòng thực hành môn vật lý, 01 phòng thực hành môn hóa học, 01 phòng thực hành môn sinh học, 01 phòng thư viện, 02 phòng học máy chiếu, 01 phòng y tế.

- 04 dãy phòng học với 32 phòng: 28 phòng học và 03 phòng học thực hành tin học.

- 01 Phòng họp hội đồng.

* Hiện còn thiếu dãy phòng tổ chuyên môn; dãy phòng học các bộ môn nghệ thuật và nhà đa chức năng.

3. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

TT	Khối lớp	Đơn vị tính	Nhu cầu về số lượng theo quy định của Bộ GDĐT	Số lượng Thiết bị hiện có còn sử dụng	Tỉ lệ đáp ứng %
1	10	Bộ	375	76	20,26
2	11	Bộ	390	82	21,02
3	12	Bộ	410	175	42,68

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4.1. Sách giáo khoa lớp 10

T T	Tên sách/chuyên đề	Tên bộ sách
1	Ngữ văn 10, Tập một	Cánh Diều
	Ngữ văn 10, Tập hai	
	Chuyên đề học tập Ngữ Văn 10	
2	Toán 10, Tập một	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Toán 10, Tập hai	
	Chuyên đề học tập Toán 10	
3	Tiếng Anh 10	Global Success

4	Giáo dục thể chất 10, Cầu lông	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Giáo dục thể chất 10, Bóng chuyền	
	Giáo dục thể chất 10, Bóng rổ	
5	Lịch sử 10	Cánh Diều
	Chuyên đề học tập Lịch sử 10	
6	Địa lí 10 ()	Cánh Diều
	Chuyên đề học tập Địa lí 10	
7	Giáo dục kinh tế và pháp luật 10	Cánh Diều
8	Vật lí 10	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Chuyên đề học tập Vật lí 10	
9	Hoá học 10	Chân trời sáng tạo
	Chuyên đề học tập Hoá học 10	
10	Sinh học 10	Cánh Diều
	Chuyên đề học tập Sinh học 10	
11	Tin học 10	Cánh Diều
12	Công nghệ 10, Thiết kế và công nghệ	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Chuyên đề học tập Công nghệ 10: Thiết kế và công nghệ	
13	Công nghệ 10: Công nghệ trồng trọt	Cánh Diều
	Chuyên đề học tập Công nghệ 10: Công nghệ trồng trọt	
14	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10	Cánh Diều
15	Giáo dục quốc phòng và an ninh lớp 10	Kết nối tri thức với cuộc sống
16	Giáo dục địa phương 10	Sở GD-ĐT ĐẮK LẮK

4.2. Sách giáo khoa lớp 11

T T	Tên sách/chuyên đề	Tên bộ sách
1	Ngữ văn 11, Tập 1	Cánh Diều
	Ngữ văn 11, Tập 2	
	Chuyên đề học tập Ngữ Văn 11	
2	Toán 11, Tập 1	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Toán 11, Tập 2	
	Chuyên đề học tập Toán 11	
3	Tiếng Anh 11	Global Success

4	Giáo dục thể chất 11, Cầu lông	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Giáo dục thể chất 11, Bóng chuyền	
	Giáo dục thể chất 11, Bóng rổ	
5	Lịch sử 11	Cánh Diều
	Chuyên đề học tập Lịch sử 11	
6	Địa lí 11	Chân trời sáng tạo
	Chuyên đề học tập Địa lí 11	
7	Giáo dục kinh tế và pháp luật 11	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Vật lí 11	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Chuyên đề học tập Vật lí 11	
9	Hóa học 11	Chân trời sáng tạo
	Chuyên đề học tập Hoá học 11	
10	Sinh học 11	Chân trời sáng tạo
	Chuyên đề học tập Sinh học 11	
11	Tin học 11, Tin học ứng dụng	Cánh Diều
12	Công nghệ 11, Công nghệ cơ khí	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Chuyên đề học tập Công nghệ 11, Công nghệ cơ khí	
13	Công nghệ 11, Công nghệ chăn nuôi	Cánh Diều
	Chuyên đề học tập Công nghệ 11, Công nghệ chăn nuôi	
14	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11	Kết nối tri thức với cuộc sống
15	Giáo dục quốc phòng và an ninh 11	Cánh Diều
16	Giáo dục địa phương 11	Sở GD-ĐT ĐẮK LẮK

4.3. Sách giáo khoa lớp 12

T T	Tên sách/chuyên đề	Tên bộ sách
1	Ngữ văn 12, Tập 1	Cánh Diều
	Ngữ văn 12, Tập 2	
	Chuyên đề học tập	
2	Toán 12, Tập 1	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Toán 12, Tập 2	

	Chuyên đề học tập Toán 12	
3	Tiếng Anh 12	Global Success
4	Giáo dục thể chất 12, Cầu lông	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Giáo dục thể chất 12, Bóng chuyền	
	Giáo dục thể chất 12, Bóng rổ	
5	Lịch sử 12	Cánh Diều
	Chuyên đề học tập Lịch sử 12	
6	Địa lí 12	Chân trời sáng tạo
	Chuyên đề học tập Địa lí 12	
7	Giáo dục kinh tế và pháp luật 12	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Vật lí 12	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Chuyên đề học tập Vật lí 12	
9	Hóa học 12	Chân trời sáng tạo
	Chuyên đề học tập Hóa học 12	
10	Sinh học 12	Chân trời sáng tạo
	Chuyên đề học tập Sinh học 12	
11	Tin học 12, Tin học ứng dụng	Cánh Diều
12	Công nghệ 12, Công nghệ Điện - Điện tử	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Chuyên đề học tập Công nghệ 12, Công nghệ Điện - Điện tử	
13	Công nghệ 12, Lâm nghiệp - Thủy sản	Cánh Diều
	Công nghệ 12, Lâm nghiệp - Thủy sản	
14	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12	Kết nối tri thức với cuộc sống
15	Giáo dục quốc phòng và an ninh 12	Cánh Diều
16	Giáo dục địa phương 12	Sở GD-ĐT ĐẮK LẮK

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá; Kiểm định chất lượng đạt Cấp độ 2;

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả

thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

Kiểm định chất lượng đạt Cấp độ 2; Chuẩn Quốc gia đạt Mức độ 1.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

1.1. Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

Kết quả tuyển sinh lớp 10: 395 học sinh.

Tổng số học sinh theo từng khối:

+ Khối 10 (9 lớp): 380 học sinh; Bình quân HS/lớp: 42,22 học sinh/lớp.

+ Khối 11 (10 lớp): 396 học sinh; Bình quân HS/lớp: 39,6 học sinh/lớp.

+ Khối 12 (9 lớp): 325 học sinh; Bình quân HS/lớp: 36,11 học sinh/lớp.

- Số học sinh nữ: 615/1101.

- Số học sinh người dân tộc thiểu số: 175.

- Học sinh khuyết tật: 03

- Học sinh chuyển đến: 8; Học sinh chuyển đi: 02

1.2. Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp; Đánh giá học lực học sinh năm học 2025-2026:

STT	Lớp	Tổng số HS (*)	Học tập								Rèn luyện								Khen thưởng cuối năm		
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Học sinh Xuất sắc		Học sinh Giỏi
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
	Toàn trường	1101	240	21.8	421	38.2	346	31.4	94	8.54	914	83	143	13	34	3.09	10	0.91	40	3.63	200
1	Khối 10	380	41	10.8	104	27.4	154	40.5	81	21.3	242	63.7	97	25.5	31	8.16	10	2.63	7	1.84	34
2	Khối 11	396	71	17.9	162	40.9	150	37.9	13	3.28	352	88.9	41	10.4	3	0.76	0	0	12	3.03	59
3	Khối 12	325	128	39.4	155	47.7	42	12.9	0	0	320	98.5	5	1.54	0	0	0	0	21	6.46	107

- Số học sinh ở lại: 21.

- Tỷ lệ học sinh lên lớp sau thi lại: 1080/1101 (98,09%).

1.3. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

- Số học sinh hoàn thành chương trình lớp 12: 325 (100%)
- Số học sinh được cấp bằng tốt nghiệp: 301/325 (92,61%)
- Số học sinh trúng tuyển vào các trường đại học: 165/301 (54.82%)

2. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài).

Không

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH (NĂM 2025)

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

1.1. Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (*ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác*) và loại hoạt động (*giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác*);

- Nguồn ngân sách giao trong năm: 24,216,753,460 đồng.
- + Kinh phí thường xuyên/tự chủ: 17,417,700,000 đồng.
- + Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ: 6,799,053,460 đồng.
- Nguồn thu từ học phí: 245,875,000 đồng.

1.2. Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (*lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...*); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (*chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...*); chi hỗ trợ người học (*học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...*); chi khác.

- Chi lương và các khoản phụ cấp theo lương: 15,608,640,423 đồng.

Số kinh phí chuyển sang năm sau: 0 đồng.

- Chi cơ sở vật chất và dịch vụ: 1,809,059,577 đồng
- Chi hỗ trợ người học (NĐ 66 và 238, 42): 2,072,795,000 đồng.

Số kinh phí chuyển sang năm sau: 0 đồng.

- Chi khác:

+ Khen thưởng theo ND 73/2024: 845,000,000 đồng.

+ Mua sắm, sửa chữa (Nguồn không tự chủ): 3,881,258,460 đồng.

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển. *(thực hiện theo Nghị quyết số Nghị quyết số 25/2025/NQ-HĐND, ngày 24/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk về Quy định mức học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập và mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em, học sinh dân lập, tự thực trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk).*

- Thu tiền học thêm: 0 đồng.

- Tiền trông giữ xe: 156.170.000 đồng (Xe máy-xe máy điện: 250.000 đồng/năm; Xe đạp- xe đạp điện: 100.000 đồng/năm).

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

- Kinh phí hỗ trợ đối tượng chính sách theo - Nghị định 238/2025/NĐ-CP: 327,300,000 đồng.

- Kinh phí hỗ trợ đối tượng chính sách theo - Nghị định 66/2025/NĐ-CP: 1,480,032,000 đồng.

- Số kinh phí miễn, giảm cho học sinh - Theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP): 256,975,000 đồng.

- Kinh phí hỗ trợ học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC: 8,488,000 đồng.

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Thực hiện tốt các nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ và đột xuất theo Kế hoạch của Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (bc);
- Đăng tải Websize trường;
- Toàn thể CB-GV-NV; PH-HS;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Quốc Thanh